

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CỦA SINH VIÊN TRONG DẠY HỌC MÔN “NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN” (PHẦN TRIẾT HỌC) Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI* - NGUYỄN GIA THIÊN**

Ngày nhận bài: 20/12/2016; ngày sửa chữa: 21/12/2016; ngày duyệt đăng: 22/12/2016.

Abstract: Test and assessment are important steps in teaching process, particularly in current education reform. Based on situation of test and assessment of students' competence in learning Principles of Marxism - Leninism, the article proposes solutions to improve efficiency of test and assessment as well as teaching this module at Thai Nguyen College of Education.

Keywords: Test and assessment, problem solving competence, Principles of Marxism - Leninism.

1. Kiểm tra (KT), đánh giá (ĐG) có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình dạy học, là cơ sở để điều chỉnh hoạt động của giảng viên (GV) và sinh viên (SV) nhằm đạt được mục tiêu dạy học; là một trong những khâu “đột phá” để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT ở nước ta hiện nay. Học phần *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* là nội dung quan trọng trong hệ thống các môn Lý luận chính trị thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc trong chương trình đào tạo ở các trường đại học và cao đẳng trên phạm vi cả nước theo quy định của Bộ GD-ĐT. Học phần này trang bị cho SV những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Học thuyết Mác - Lênin (phần Triết học Mác - Lênin), từ đó hình thành cho SV thế giới quan và phương pháp luận khoa học trong hoạt động nhận thức và thực tiễn. Trong quá trình học tập môn này, năng lực “cốt lõi”, “đặc thù” SV cần đạt được chính là năng lực giải quyết vấn đề (NLGQVĐ). Ở đó, SV không chỉ có năng lực nhận thức được các vấn đề lý luận mà còn phải có năng lực vận dụng những kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn với một tinh thần, thái độ tích cực. Dạy học giải quyết vấn đề là xu hướng dạy học tích cực phát triển năng lực sáng tạo của người học, tạo ra môi trường học tập chủ động, khuyến khích người học tìm tòi, phát hiện, giải quyết vấn đề, thích nghi với những thử thách trong cuộc sống với nghề nghiệp tương lai.

Tuy nhiên, thực tiễn dạy học môn *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (phần Triết học) ở Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên những năm qua cho thấy việc phát triển NLGQVĐ cho SV

chưa thực sự được quan tâm đúng mức, trong đó công tác KT, ĐG NLGQVĐ của SV còn lúng túng dẫn đến hiệu quả dạy học chưa đạt như mong muốn. SV chưa thực sự hứng thú học tập bởi tính kinh viện của môn học, chưa được trải nghiệm qua việc xử lý các tình huống “có vấn đề” trong quá trình học tập, từ đó hạn chế khả năng thích ứng của bản thân trước các vấn đề của cuộc sống. Một loạt câu hỏi đặt ra cần có lời giải đáp như: làm thế nào để đo được khả năng huy động, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề trước mỗi tình huống của SV? làm gì để ĐG được tinh thần, thái độ của SV khi tham gia giải quyết vấn đề trong quá trình học tập? ... Do đó, vấn đề đặt ra là cần tìm biện pháp thúc đẩy công tác KT, ĐG NLGQVĐ của SV góp phần nâng cao chất lượng dạy học nói chung, dạy học môn *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (phần Triết học) ở Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay.

2. NLGQVĐ và vai trò của KT, ĐG NLGQVĐ của SV trong dạy học môn “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” (phần Triết học)

2.1. Khái niệm. Theo khung lý thuyết của Polya's (1973) về quy trình giải quyết vấn đề gồm 4 bước: - *Hiểu vấn đề*; - *Lên kế hoạch giải quyết*; - *Thực hiện kế hoạch giải quyết*; - *Rà soát và KT lại kết quả giải quyết vấn đề*. Theo đó, người giải quyết vấn đề cần làm quen với vấn đề trước khi đưa ra một kế hoạch hay chiến lược để tiến tới xử lý vấn đề đó. Người giải

* Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên

** Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

quyết vấn đề cũng cần phải thực hiện các bước hành động, thực hiện một cách chính xác kế hoạch hành động và xem xét lại toàn bộ quá trình, nếu có thể đưa ra các phương pháp thay thế, để hiểu rõ hơn được vấn đề sau khi đã xử lí.

PISA 2003 thừa nhận rằng không có một định nghĩa toàn diện nào về NLGQVĐ nhưng có thể mô tả NLGQVĐ như là “*năng lực cá nhân sử dụng các quá trình nhận thức để giải quyết các tình huống thực, đa lĩnh vực ở đó con đường, giải pháp giải quyết có thể chưa rõ ràng ngay lập tức*” (OECD, 2003).

OECD (2012) cho rằng: NLGQVĐ là khả năng một cá nhân tham gia vào quá trình nhận thức để hiểu và giải quyết các tình huống có vấn đề mà ở đó họ có thể chưa tìm ngay ra giải pháp một cách rõ ràng. Nó bao gồm cả thái độ sẵn sàng tham gia vào các tình huống có vấn đề để trở thành một công dân có tinh thần xây dựng và tự phản ánh (biết suy nghĩ) [6].

Khái niệm này không chỉ đề cập đến khía cạnh nhận thức mà còn nhấn mạnh đến tinh thần xây dựng, chủ động tìm tòi, tham gia giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống xã hội. Trong quá trình phát triển chương trình giáo dục chuyên nghiệp theo định hướng phát triển năng lực hiện nay có thể tham khảo chương trình giáo dục phổ thông của Quebec- Canada với quan niệm: “*NLGQVĐ là sự kết hợp linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kĩ năng với thái độ, tinh cảm, giá trị, động cơ cá nhân... nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp trong bối cảnh nhất định*”.

2.2. Vai trò của KT, ĐG NLGQVĐ của SV trong dạy học môn “Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin”. Môn *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (phần Triết học) ở các trường đại học, cao đẳng có vai trò quan trọng trực tiếp trong việc hình thành cho SV thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Nội dung gồm 4 chương (từ chương mở đầu đến hết chương 3), bao gồm những lí luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử, gắn bó mật thiết với các lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội của đời sống thực tiễn. Do vậy, nội dung kiến thức học phần này cung cấp cơ sở lí luận quan trọng để SV học tốt học phần *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (phần *Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học*), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, qua đó hình thành tư tưởng, thái độ đúng đắn cho SV trong học tập và rèn luyện. Với những nội dung này, bộ môn có nhiều lợi thế để GV có thể sử dụng

các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm phát triển các năng lực cho SV như: phân tích, khái quát, tổng hợp, giải quyết vấn đề.

KT, ĐG là khâu cuối cùng nhưng lại có vị trí rất quan trọng trong quá trình dạy học, thông qua KT, ĐG có thể giám sát được việc thực hiện mục tiêu dạy học, kết quả sử dụng phương pháp dạy học, hình thức và phương tiện dạy học của GV, đồng thời ĐG được kết quả học tập, rèn luyện của từng SV. KT chính là phương tiện và hình thức của ĐG, vì KT cung cấp những dữ liệu, những thông tin làm cơ sở cho ĐG. Còn ĐG là quá trình thu thập và xử lí kịp thời, có hệ thống thông tin về hiện trạng khả năng hay nguyên nhân của chất lượng và hiệu quả giáo dục căn cứ vào mục tiêu dạy học làm cơ sở cho những biện pháp và hành động giáo dục tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học.

KT, ĐG NLGQVĐ của SV trong dạy học *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* có vai trò ĐG theo chuẩn và sản phẩm đầu ra, góp phần quan trọng vào việc rèn luyện phương pháp học tập cho SV. KT, ĐG NLGQVĐ của SV trong dạy học *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* không chỉ KT kiến thức, mà quan trọng là phải KT các kĩ năng (nhận xét, ĐG, vận dụng bài học để giải quyết các vấn đề, tình huống và thực hành trong cuộc sống), KT thái độ tinh cảm của SV đối với việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống hàng ngày. Từ đó, thúc đẩy SV tích cực rèn luyện theo yêu cầu của các chuẩn mực bài học.

3. Một số biện pháp KT, ĐG NLGQVĐ của SV trong dạy học “Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” (phần Triết học)

3.1. Nghiên cứu sản phẩm giải quyết vấn đề của SV. Qua hoạt động giải quyết vấn đề, năng lực của SV được bộc lộ ở các sản phẩm giải quyết vấn đề. GV sử dụng các bài tập gồm: bài tập trong đề KT, bài tập cho về nhà, bài tập làm tại lớp, bài tập giao cho nhóm làm việc. Các bài tập được xây dựng căn cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng chương trình dạy học bộ môn. Các sản phẩm bao gồm tất cả những gì SV thể hiện được theo yêu cầu giải quyết vấn đề: trình bày trên lớp học, trong vở bài tập, trong bài KT, trong các phiếu ĐG, qua câu trả lời của SV đối với câu hỏi của GV. Ngoài ra sản phẩm giải quyết vấn đề của SV còn là kết quả làm việc của nhóm.

Nghiên cứu các sản phẩm giải quyết vấn đề, giúp GV có được những thông tin về NLGQVĐ hàm chứa trong đó kiến thức, kĩ năng,... của SV. Phân tích các thông tin thu nhận được đối chiếu với các tiêu chí

trong thang ĐG NLGQVĐ, GV chấm điểm sản phẩm hoặc đưa ra nhận xét để ĐG NLGQVĐ của SV.

3.2. Vấn đáp. Phương pháp này thường xuyên được sử dụng trong giờ học với các hình thức: GV hỏi, SV trả lời; SV hỏi, GV giải đáp và có thể có tranh luận giữa GV-SV. GV sử dụng các câu hỏi “chứa đựng” vấn đề. Căn cứ vào những thông tin thu thập được trong khi vấn đáp, GV đối chiếu với các tiêu chí trong thang ĐG NLGQVĐ của SV để đưa ra những lời nhận xét hoặc chấm điểm khi cần.

Các câu hỏi đặt ra có thể yêu cầu SV giải đáp hoặc phát hiện giải pháp khác để giải quyết vấn đề, hay có thể phát hiện vấn đề tương tự, mở rộng vấn đề,... Trong quá trình thực hiện, cần coi trọng những câu hỏi của SV đối với GV, câu hỏi thể hiện mức độ kiến thức, kĩ năng đã có, đã biết, có thể là chưa biết nhằm nêu lên những vấn đề cần tìm hiểu, về việc tìm ra giải pháp, thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề một cách hiệu quả nhất.

Trong quá trình thực hiện, GV cần khéo léo, chủ động điều khiển; tạo điều kiện và khuyến khích, động viên để SV bộc lộ năng lực nhiều hơn, thu thập được nhiều thông tin hơn, qua đó giúp ĐG chính xác hơn, cũng như giúp SV bộc lộ năng lực diễn đạt, trình bày rõ ràng, lưu loát, thuyết phục.

3.3. Quan sát quá trình giải quyết vấn đề. Quan sát là phương pháp thu thập thông tin qua tri giác trực tiếp hành vi, thao tác, phản ứng, thái độ,... của SV, là hoạt động thường xuyên, liên tục như là một phần tự nhiên của quá trình dạy học. Bằng quan sát, GV sẽ nắm được thông tin vừa mang ý nghĩa định tính (những biểu hiện NLGQVĐ của SV), vừa mang ý nghĩa định lượng (số lần thực hiện giải quyết vấn đề của SV). Để có lượng thông tin đầy đủ, đòi hỏi người quan sát phải tập trung vào đối tượng quan sát, theo dõi sát sao, tránh bỏ sót những thông tin (nhất là những thông tin chủ yếu, quan trọng) liên quan đến việc ĐG NLGQVĐ của đối tượng quan sát. GV sàng lọc và lưu giữ các thông tin chủ yếu quan trọng để phục vụ cho việc ĐG NLGQVĐ của SV.

Các loại quan sát gồm: - Quan sát ngẫu nhiên và quan sát có chủ định; - Quan sát đám đông và quan sát cá nhân; - Quan sát thời điểm và quan sát quá trình.

Quan sát NLGQVĐ của SV được bộc lộ trong quá trình hoạt động, được GV ghi chép, tập hợp thông tin, đối chiếu với các tiêu chí trong thang ĐG NLGQVĐ để xử lý thông tin và ghi vào sổ nhật kí dạy học để ĐG năng lực của các em. Quan sát, ghi nhận các biểu hiện hành vi theo tiêu chí, thường xuyên tham khảo các tiêu chí ĐG, để so sánh với các biểu hiện hành vi

của SV, loại bỏ các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng quá trình giải quyết vấn đề của SV.

3.4. SV tự ĐG và ĐG lẫn nhau:

3.4.1. SV tự ĐG NLGQVĐ và chính các em đối chiếu sản phẩm giải quyết vấn đề với các tiêu chí trong thang ĐG năng lực để tự nhận biết và ĐG được một số yếu tố của NLGQVĐ của bản thân. Kết quả ĐG được SV ghi trong bảng kiểm điểm tự ĐG. Qua đó, SV thấy được sự nỗ lực, tiến bộ, cũng như những tồn tại, hạn chế của mình. Nếu được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng thì mọi SV đều có thể tự ĐG NLGQVĐ của chính mình. Khi SV tự ĐG, các em thấy được những nỗ lực, tiến bộ, kết quả đạt được cũng như những yếu điểm trong một giai đoạn học tập của bản thân. Từ đó, SV biết phát huy các ưu điểm và tìm cách khắc phục những hạn chế.

3.4.2. SV ĐG chéo về NLGQVĐ: Khi SV cùng nhau giải quyết một vấn đề trong một nhóm, hoặc trong quá trình cùng học tập với nhau, đó là cơ hội để các em ĐG NLGQVĐ của nhau. Mọi SV có trình độ ngang nhau hoặc cao hơn đều có thể tham gia ĐG NLGQVĐ của SV khác. GV giao vấn đề cho nhóm SV cùng giải quyết, các em làm việc với nhau theo nhóm, trao đổi, thảo luận, tổng hợp thành sản phẩm giải quyết vấn đề của nhóm và trình bày sản phẩm để GV, SV khác ĐG. Mặt khác, SV có thể quan sát việc thực hiện giải quyết một vấn đề nào đó của SV khác qua sản phẩm giải quyết vấn đề và thái độ làm việc trong quá trình học tập để ĐG NLGQVĐ của người đó.

Trong quá trình dạy học, SV tự ĐG, ĐG chéo NLGQVĐ là một phương pháp tích cực. Tự ĐG, ĐG lẫn nhau về NLGQVĐ phải kết hợp chặt chẽ với ĐG của GV. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế hiện nay có thể do nhận thức của SV kể cả một số GV chưa đầy đủ nên SV chưa được hướng dẫn về phương pháp này, do đó việc ĐG cũng còn những tồn tại, hạn chế.

Bộ môn *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* ở các trường đại học, cao đẳng có nhiệm vụ hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và năng lực cần thiết cho SV, đây chính là “hành trang” để các em thực hiện nhiệm vụ “trồng người”. Do vậy, để nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn, GV cần kết hợp, vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học, cũng như tích cực sử dụng phương pháp KT, ĐG theo hướng tiếp cận năng lực, đặc biệt phải đo được NLGQVĐ của SV, năng lực quan trọng để các em giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống. □

(Xem tiếp trang 190)

trường khác nhau, liên quan rất nhiều đến các mối quan hệ xã hội phức tạp. Vì thế, việc giáo dục nói chung và giáo dục trẻ em nói riêng luôn luôn đòi hỏi sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ của nhiều lực lượng xã hội, nhất là sự quan tâm đúng cách của nhà trường, gia đình và mọi người trong xã hội. Ý nghĩa sâu sắc của việc phối hợp các lực lượng giáo dục đã được Bác Hồ chỉ ra từ lâu, trong bài *Nói chuyện tại Hội nghị cán bộ Đảng ngành giáo dục* (6/1957), Bác dạy: “*Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn*”[1; tr 591].

Trong lí luận cũng như trong thực tiễn giáo dục, sự thống nhất tác động giáo dục từ *Gia đình - Nhà trường - Xã hội* được xem là vấn đề có tính nguyên tắc, đảm bảo cho mọi hoạt động giáo dục có điều kiện đạt hiệu quả tốt. Trong quá trình tổ chức kết hợp các lực lượng giáo dục, gia đình có vai trò và tác động vô cùng quan trọng, là trọng tâm của các hoạt động kết hợp. Gia đình là nơi trẻ được sinh ra, lớn lên và hình thành nhân cách, giáo dục trong gia đình không phải chỉ là việc riêng của bố mẹ, mà còn là trách nhiệm đạo đức và nghĩa vụ công dân của những người làm cha mẹ. Tùy vào điều kiện kinh tế, đời sống của mỗi gia đình mà việc tiến hành giáo dục trong từng giai đoạn phát triển của trẻ có các nội dung, hình thức, nhiệm vụ khác nhau.

Để thống nhất và tập hợp được sức mạnh của toàn xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ, nhà trường phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, vừa phải phối hợp chặt chẽ với gia đình, các tổ chức xã hội tại địa phương như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi... nhằm thống nhất định hướng tác động đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ. Phát huy vai trò nhà trường là “trung tâm văn hóa giáo dục” của địa phương, tổ chức phổ biến các tri thức khoa học kĩ thuật, văn hóa xã hội..., đặc biệt là những kiến thức, biện pháp giáo dục trẻ trong điều kiện xã hội phát triển theo cơ chế thị trường hiện nay. Phối hợp với địa phương tổ chức cho HS tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa xã hội, như: “Xóa đói, giảm nghèo”, dân số kế hoạch hóa gia đình, “Đền ơn đáp nghĩa”, xây dựng gia đình văn hóa mới,... góp phần cải tạo môi trường gia đình và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Việc phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội đối với chăm sóc giáo dục trẻ là một nguyên tắc cơ bản. Sự phối hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục trên sẽ đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hoạt động giáo dục cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp; đồng tâm tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của trẻ; tránh sự tách rời, mâu thuẫn, bài xích lẫn nhau, gây cho các em tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp của nhân cách. Sự phối hợp này có thể diễn ra dưới nhiều hình thức; nhưng cơ bản nhất là tất cả các lực lượng giáo dục phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tạo ra những mối quan hệ phối hợp vì mục tiêu GD-ĐT thế hệ trẻ thành những người công dân hữu ích cho đất nước. □

Tài liệu tham khảo

- [1] *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 10) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 7) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 12) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Vũ Đình Bảy (chủ biên) (2012). *Lí luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Bình (2014). *Báo cáo về công tác học sinh*. Trung tâm thông tin tư liệu khoa học, Ban Khoa giáo Trung ương.
- [6] Vũ Bá Hoà (2010). *Góp phần xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*. NXB Giáo dục Việt Nam.

Kiểm tra, đánh giá năng lực...

(Tiếp theo trang 201)

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2012). *Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Nguyễn Bá Dương (1991). *Về đặc trưng của tư duy biện chứng duy vật*. Tạp chí Triết học, số 5, tr 24-29.
- [3] Nguyễn Hữu Vui (1994). *Cần làm gì để phát huy vai trò triết học trong nhà trường đại học hiện nay*. Tạp chí Triết học, số 4, tr 27-31.
- [4] Bộ GD-ĐT (2007). *Tài liệu hướng dẫn dạy học, học tập các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*.
- [5] Trần Đăng Sinh (2008). *Dạy và học Triết học Mác-Lênin ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Tạp chí Triết học, số 2, tr 19-25.